

ỨNG XỬ VỚI BIỂN CỦA CƯ DÂN HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Hoàng Thân^a, Bùi Kim Phượng^b

Nhận bài:

21 – 04 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Kim Sơn là huyện ven biển nằm ở cực nam của tỉnh Ninh Bình, huyện được thành lập cách đây 184 năm, gắn liền với tên tuổi của Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ. Đứng trước biển, để sinh tồn, những người dân vốn đậm chất đồng bằng Bắc Bộ đã chọn cách ứng xử sao cho phù hợp với tự nhiên để khai thác những mặt thuận lợi và hạn chế những mặt không thuận lợi. Bài viết dưới đây hướng tới việc phân tích, tìm hiểu cách ứng xử với biển của cư dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình trên các bình diện: (1) Vấn đề “quai đê lấn biển” để làm nông nghiệp; (2) từng bước nhận thức về biển để khai thác những giá trị của biển. Cả hai bình diện này được thể hiện thông qua công cuộc “quai đê lấn biển”; hình thành nghề - làng nghề và cuối cùng là tổ chức đời sống xã hội.

Từ khóa: Kim Sơn; Nguyễn Công Trứ; biển; ứng xử; quai đê lấn biển; khai thác giá trị biển.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam có 3.260km bờ biển, với gần 3.000 đảo lớn nhỏ. Trải dọc suốt chiều dài đất nước có khoảng 20 triệu dân gắn liền với sông nước, biển cả. Người Việt Nam từ rất lâu đứng trước biển có hai cách ứng xử: một là “quai đê lấn biển” để làm nông nghiệp; hai là từng bước nhận thức về biển để khai thác những giá trị của biển như đánh bắt tôm, cá... Cả hai cách ứng xử này đều là đối tượng nghiên cứu của chúng tôi trong vấn đề ứng xử với biển ở huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thành lập năm 1829, dưới triều vua Minh Mạng thời nhà Nguyễn, gắn liền với tên tuổi của Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, là một minh chứng điển hình cho cách ứng xử “quai đê lấn biển” để biến những vùng đất chua mặn ven biển thành nơi canh tác lúa nước và những làng quê trù mật. Đứng trước biển, những người dân vốn đậm chất đồng bằng Bắc Bộ cũng từng bước nhận thức được giá trị to lớn của biển. Hai giá trị trên có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau. Ở bài viết này, nghiên cứu chuyên hải Kim Sơn thực chất là chúng tôi muốn tìm hiểu cách ứng xử

của chủ thể cư dân trên cả hai bình diện đó.

2. Cách ứng xử với biển của cư dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Ứng xử xét cho cùng là sự thích nghi (con người tìm mọi cách để thích nghi với môi trường sống xung quanh mình). Mà môi trường sống xung quanh mình, trên thực tế bao gồm: tự nhiên, xã hội, thậm chí là cả chính bản thân - con người. Mặc dù vậy, trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào môi trường tự nhiên mà cụ thể ở đây là biển. Đối với biển - tự nhiên trên thực tế có nhiều cách ứng xử khác nhau, nhưng chung quy lại, có thể quy vào ba cách ứng xử cụ thể sau đây:

- Một là: Khai thác những mặt thuận lợi (tích cực) sẵn có của tự nhiên.

- Hai là: Hạn chế những mặt không thuận lợi (tiêu cực) của tự nhiên.

- Ba là: Kết hợp cả hai vừa khai thác, vừa hạn chế.

2.1. “Quai đê lấn biển” là một cách ứng xử của cư dân Kim Sơn, Ninh Bình đối với biển: vừa khai thác, vừa chế ngự

Huyện Kim Sơn trước khi được thành lập là vùng đất bồi nơi cửa sông, ven biển (theo nguồn gốc phát sinh thì đất của vùng là do quá trình bồi đắp phù sa của sông Đáy, chiếm 30% lượng phù sa của sông Hồng (cách đây 200 năm cửa Đáy là cửa chính của sông Hồng)). Đất vốn

^a Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

^b Trường Đại học Thăng Long

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Hoàng Thân

Email: hoangthan@yahoo.com

là đất mặn, sinh lầy. Bởi vậy, trong những ngày đầu đến khai hoang, Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ cùng với các vị chiêu mộ, bán phụ chiêu mộ, nguyên mộ, phó nguyên mộ, thứ mộ, tòng mộ và người dân đã tiến hành cải tạo đất để lấy làm nơi sinh sống và sản xuất.

Khác với công cuộc khẩn hoang ở miền núi, công cuộc khai khẩn đất hoang ở ven biển đòi hỏi việc đắp đê, đào sông và các kênh mương dẫn nước ngọt vào đồng ruộng có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự thành bại của công cuộc khẩn hoang.

Trong quá trình khẩn hoang ở bãi bồi ven biển lập ra huyện Kim Sơn, Nguyễn Công Trứ đã căn cứ vào đặc điểm mỗi con sông, tình hình nước biển ở địa phương mà đắp đê hay không đắp đê. Sông Càn là sông có độ mặn cao, Nguyễn Công Trứ cho đắp đê sông Càn và đê sông Ân để tránh nước mặn của biển tràn vào; riêng sông Đáy, Nguyễn Công Trứ không tổ chức đắp đê; làng được bố trí ở khá xa, bỏ một khoảng đất sát sông để tránh lũ. Kim Sơn là một trong những nơi có tần suất bão đổ bộ vào thuộc loại cao nhất ở nước ta, ngoài ra các khu vực từ 19⁰ - 21⁰ đều có ảnh hưởng đến khu vực Kim Sơn, hàng năm Kim Sơn chịu ảnh hưởng từ 2 - 6 cơn bão. Vì vậy, việc đắp đê biển ở Kim Sơn là rất cần thiết.

Song song với việc đắp đê, công việc đào sông, xây dựng hệ thống thủy nông để chống mặn cho đất, chống lũ lụt trong mùa mưa và tưới nước ngọt cho đồng ruộng cũng là công việc quan trọng cho cuộc khẩn hoang đạt kết quả. Ở Kim Sơn do sông tự nhiên ít nên việc đào sông, đắp đê là vô cùng cần thiết. Nguyễn Công Trứ cho đào sông Ân nối liền sông Đáy và sông Càn, có chiều dài 13,5km, rộng 15m và sâu 3m. Đây là con sông chảy qua tất cả các lí, ấp, trại trong huyện khi mới thành lập; con sông này giống như hệ thống xương sống, từ đây các con sông nhỏ tỏa đi các thôn xóm. Từ sông Ân, Nguyễn Công Trứ cũng cho đào các kênh tưới nước cho tất cả các lí, ấp, trại. Khi nước triều cường ở sông Đáy dâng lên, người ta lợi dụng để tháo nước vào các kênh, mương, sông Ân rồi dẫn nước vào đồng ruộng. Còn khi gặp úng lụt, nước từ các đồng ruộng có thể theo hệ thống kênh mương này mà tháo ra biển.

Ở Kim Sơn, hệ thống giao thông và thủy lợi gắn bó chặt chẽ với nhau, các sông con bao quanh các làng chính là ranh giới giữa các làng, đồng thời là đường giao thông quan trọng. Trên sông Ân, các thuyền cỡ vừa và nhỏ có thể đi lại dễ dàng; các dòng sông con, kênh,

mương là đường vận chuyển lúa, hoa màu trong lúc thời vụ, thu hoạch mùa màng và khi có những công việc cần thiết. Đất của các sông, kênh, mương được đắp về một phía, tạo thành đường bộ của làng. Hệ thống giao thông và thủy nông này đã được ông Lê Thước viết như sau: “Cứ cách một quãng thì có một con sông hay một cái ngòi thẳng tuột từ đầu đến cuối. Dọc mỗi con sông lại đắp đường cày dân sự cày cấy vắng lai. Muốn đi đò thời có sông, muốn đi bộ thời có đường, tiện lợi đời nào nói sao cho xiết” [6, tr.84].

Như vậy, cuộc khẩn hoang của Nguyễn Công Trứ đã có một thành tựu nổi bật là xây dựng một hệ thống thủy lợi hợp lí, kết hợp được việc thau chua, rửa mặn, cải tạo, thực hóa đất cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng một hệ thống giao thông thủy bộ nông thôn. Theo sử chép, nhờ có những cách thức tổ chức hết sức đúng đắn mà chỉ trong một thời gian ngắn (1 năm) đã khẩn hoang được 14.620 mẫu ruộng, thiết lập được một vùng kinh tế - xã hội mới an cư, lạc nghiệp cho một số dân lớn với 1.260 dân đinh trong 7 tổng, 60 lí, ấp, trại, giáp. Cũng từ đó bản đồ của trấn Ninh Bình đã có thêm một huyện mới - huyện Kim Sơn.

Từ khi thành lập cho đến nay đã trải 184 năm, Kim Sơn cũng đã có thêm 8 lần “quai đê lấn biển”, chinh phục bãi bồi, làm cho vùng đất ngày càng rộng, dài thêm, đất đai canh tác được mở rộng gấp 4 lần. Các tuyến đê được quai là: Đê sông Ân năm 1830; năm 1899 đắp đê 50; năm 1927 đắp đê Hoàn Trục; năm 1933 - 1934 đắp đê Văn Hải; năm 1945 đắp đê Cồn Thoi; năm 1954 đắp đê Bình Minh 1 dài 10km; tuyến đê Bình Minh 2 quai năm 1981, dài 22,8km; tuyến đê Bình Minh 3 được đắp từ năm 2000 trở lại đây với chiều dài 16km. Nếu như năm 1929, Kim Sơn chỉ có 1.260 người thì đến năm 2006, Kim Sơn đã có 172.339 người. Dân số tăng, diện tích trong vùng cũng được mở rộng, điều này chứng tỏ người dân Kim Sơn vẫn luôn cần cù, sáng tạo, sẵn sàng vượt khó, vượt khổ trong lao động, dám nghĩ dám làm để khai thác và hạn chế những mặt thuận lợi và không thuận lợi của biển để cho cuộc sống ấm no và tốt đẹp hơn.

2.2. Hình thành nghề - làng nghề ở Kim Sơn cũng là một trong những cách ứng xử của cư dân: khai thác những mặt thuận lợi

Ở trên, chúng tôi đã nói “quai đê lấn biển” là một trong những cách ứng xử vừa khai thác, vừa chế ngự của cư dân Kim Sơn - Ninh Bình đối với biển. Ở đây, chúng tôi tiếp tục bàn đến cách ứng xử đối với biển của

cư dân Kim Sơn nhưng ở góc độ khác - ở góc độ khai thác - khai thác là chủ yếu - mà sự biểu hiện của nó ở đây chính là nghề - làng nghề ở Kim Sơn.

2.2.1. Nghề nông

a. Trồng lúa nước

Những người dân đến Kim Sơn để mở cõi, đa số là người của huyện Yên Mô, Yên Khánh, là hai huyện không giáp biển, một số khác là những người nông dân tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, còn lại là những người dân đến từ huyện Giao Thủy - Nam Định. Đa số họ đến vùng đất Kim Sơn đều với mong muốn là đến được vùng đất mới có đất đai rộng lớn để trồng cây. Vì vậy, họ ít quan tâm đến biển và những nguồn lợi có từ biển ví như đánh bắt hải sản: tôm, cua, ngao, sò, vạng... đặc biệt là cá - các loài cá: cá thu, cá bớp, cá nhếch... Họ quan tâm đến biển chỉ là để biến những vùng đầm lầy, hoang vắng hoặc những vùng đất khô cằn ven biển thành nơi canh tác lúa nước, thành làng quê trù phú. Bởi vậy, khi nhắc đến Kim Sơn, người ta thường nói: “Lúa lán cối. Cối lán lau, sậy. Lau, sậy lán sù, vẹt. Sù, vẹt lán biển Đông”. Cư dân ở đây vẫn lấy nông nghiệp làm nguồn sống chính, họ có kinh nghiệm thau chua, rửa mặn, cải tạo đất phèn, đất mặn, biến những nơi không có khả năng canh tác thành những nơi canh tác cho năng suất cao.

Sau khi “quai đê lán biển” người dân đã tiến hành trồng lúa nước. Việc giữ gìn nghề trồng lúa nước, bởi những lí do sau đây: trước hết là do xuất thân của những người dân - những người dân đến đây chính là những người nông dân “xa rừng nhạt biển” thực thụ. Họ đến từ những làng quê bao đời gắn bó với cây lúa, trồng lúa chính là thể mệnh của họ. Thứ hai, thời gian đầu khi mới đến, cả triều đình nhà Nguyễn lẫn vị Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ đều chú trọng đến nguồn lợi từ đất để giải bài toán khó lúc bấy giờ là làm nông nghiệp trồng lúa nước, đem lại bát cơm cho người dân và một khoản thu ngân sách cho nhà nước. Vì vậy, đứng trước biển (ở đây là vùng đầm lầy, nước mặn ven biển), với cư dân, chỉ là khai hoang bằng cách “quai đê lán biển” để lấy đất cho sản xuất và xây dựng nhà cửa, làng mạc làm chỗ định cư, làm ăn lâu dài. Không những thế, sau khi tiến hành “quai đê lán biển”, với bao gian nan, vất vả (như đã phân tích), lẽ nào họ lại bỏ vùng đất đã khai khẩn được để ra khơi đánh bắt hải sản - một công việc mà họ

chưa từng quen biết, hơn thế nữa là sự an toàn trên biển cả so với trong đất liền là không chắc chắn bằng...

Trong huyện, do đặc điểm khí hậu và địa hình, nên người dân chỉ cấy lúa thu, vùng gần biển cấy vào tháng 4, 5 đến tháng 8, 9 thu hoạch, gọi là lúa sớm (tục gọi là chiêm đông); vùng gần nước ngọt thì tháng 6 xuống cấy, tháng 10 thu hoạch, gọi là lúa muộn (tục gọi là lúa mùa). Nhiều năm liền, Kim Sơn đạt năng suất 5 tấn lúa/ha, là huyện dẫn đầu tỉnh Ninh Bình về năng suất và sản lượng. Năm 2014, do điều tiết được nước, tia dậm, chăm bón phòng trừ được sâu bệnh, dịch hại và thu hoạch lúa được thực hiện tốt, toàn bộ diện tích lúa Đông Xuân (vụ chiêm) năng suất đạt 76,76 tạ/ha (cao nhất tỉnh), vụ Hè Thu (vụ mùa) năng suất đạt 59,40 tạ/ha (cao nhất tỉnh).

b. Trồng lúa nước xen kẽ với nghề trồng cối

Cây cối, ngoài ý nghĩa là một cây trồng mới (những người dân trước đó trồng lúa nước và các cây họ đậu chưa biết tới trồng cối) trong cơ cấu nông nghiệp còn là một khâu trung gian, một quy trình kĩ thuật tất yếu trong quá trình cải tạo đất, lán biển bằng biện pháp sinh học, bởi cối là cây chịu đất mặn và cần có độ mặn thích hợp để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Cây cối có thể sống ở nơi khô cạn, ẩm ướt và ngập nước; nước lợ hay phèn chua. Song, loại đất thích hợp cho cây cối là đất phù sa vùng ven biển, hoặc ven sông nước lợ; độ sâu tầng đất từ 40cm - 50cm trở lên; độ chua pH từ 6 - 7; độ mặn từ 0,1 - 0,2% thoát nước. Khi mà chất lượng và sản lượng cối giảm thì lúc đó cũng có nghĩa là đất đã được ngọt hóa và người dân lúc này có thể canh tác lúa nước trên những diện tích trồng cối này. Cũng như cây lúa, cây cối được trồng hai vụ một năm là vụ chiêm và vụ mùa. Tuy nhiên, cũng có nơi cối chỉ được trồng một vụ một năm.

c. Nghề thủ công

Nghề thủ công nghiệp ở đây không phát triển như ở đồng bằng châu thổ, người dân dựa vào nguồn lợi từ cây trồng đặc trưng vùng ven biển là cối để phát triển nghề phụ, nên ngoài dùng cối để lợp nhà, người ta còn phát triển nghề dệt cối; bên cạnh mặt hàng chiếu cối nổi tiếng, người ta còn tạo ra sản phẩm khác từ nguyên liệu cối, như thảm cối, làn cối, bao bì cối... Hiện tại, ở Kim Sơn có 20 làng nghề cối được tỉnh Ninh Bình cấp bằng công nhận làng nghề, với hơn 5.000 doanh nghiệp, cơ sở và hộ cá thể tham gia trồng, chế biến cối. Mỗi năm doanh thu từ cối đạt trên 200 tỉ đồng

(http://Wikipedia.org/wiki/Kim_Son). Ngoài ra, ở Kim Sơn còn có ngành khác sản xuất các mặt hàng cho nhu cầu tại chỗ và cho xuất khẩu. Mặt hàng mỹ nghệ chủ yếu và phổ biến ở Kim Sơn là các sản phẩm từ cây bèo bông (lục bình), người dân ở trong vùng vào những lúc nông nhàn thường đan bèo bông thành những giỏ đựng, rế... Cây bèo bông sinh trưởng ở vùng sông nước, ao hồ, người dân không cần tốn công chăm sóc như cây cói, mà lợi nhuận thu về lại cao hơn, nên người dân sử dụng bèo bông nhiều hơn cói.

2.2.2. Nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản

Kim Sơn là huyện duy nhất ở Ninh Bình giáp biển. So với các vùng ven biển khác trong cả nước, Kim Sơn chỉ có 20,5km bờ biển. Tuy nhiên, với con số khiêm tốn này cũng đủ để cho người dân Kim Sơn hình thành cho mình nghề biển.

Nếu như trước đây cư dân Kim Sơn chưa thực sự chú ý đến biển đúng như ý nghĩa đích thực của nó, mà chỉ chú ý đến những vùng, bãi, đầm lầy ven biển (như đã phân tích) thì nay đã có một sự đổi khác. Đường lối phát triển kinh tế mới của Đảng đã đem lại cho Kim Sơn một nguồn sinh khí mới, tạo ra bước tiến trong quá trình chinh phục vùng biển. Phần đất ven biển ngập mặn và vùng nước lợ trước đây khai thác còn kém hiệu quả kinh tế bởi phần lớn đất được trồng sù, vẹt chấn sùng, đồng thời làm tăng nhanh tốc độ lắng đọng của đất phù sa; nhưng sau khi quai đê, vùng nước lợ được sử dụng trồng cói, vừa có tác dụng cung cấp nguyên vật liệu cho ngành thủ công nghiệp, vừa có tác dụng cải tạo đất. Ngược lại với xu hướng lấn biển để làm nghề nông như trước kia, nay người dân có xu hướng “lợ hóa” vùng đất bồi để nuôi trồng thủy sản, một hình thức phát triển mới ở ven biển Kim Sơn. Có thể nói, trên vùng ven biển, sự phát triển này là mở đầu cho quá trình lấn biển theo phương thức mới trong điều kiện và hoàn cảnh mới. Vùng ven biển chỉ trong thời gian ngắn đã thu hút nhiều nguồn vốn lớn, những liên doanh, liên kết kinh tế diễn ra khá sôi động và hiệu quả kinh tế đã đem lại sự giàu có cho nhiều chủ đầm. Các loại thủy sản được nuôi ở Kim Sơn chủ yếu là: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm rảo, cua, ngao, cá...

Quá trình sử dụng, khai thác nuôi trồng thủy hải sản được người dân thực hiện cách đây hơn 30 năm, khi bắt đầu đắp đê Bình Minh 2. Nếu tính đến sự ổn định, định cư của người dân lâu dài trên vùng đất Bình Minh 1 -

Bình Minh 2 có sự xác nhận của Nhà nước (công nhận được thành lập xã) thì vùng kinh tế mới được khai thác bắt đầu từ năm 1986 (thành lập xã Kim Hải); phương thức nuôi thủy sản chính là quảng canh.

Cho đến những năm gần đây, bãi bồi của vùng, sau khi quai đê ngăn biển đã đưa vào sử dụng để phát triển ngư nghiệp. Bãi bồi đã có những đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế cũng như xây dựng đời sống của nhân dân huyện Kim Sơn. Phương thức “quai đê lấn biển” đã được thực hiện cho đến nay, chứng tỏ nhiều ưu điểm. Đó là sự tổng kết, đúc kết kinh nghiệm của nhân dân ta qua hàng nghìn năm mở nước làm nông nghiệp. Cách quai đê, khai thác vùng bãi bồi đã chứng tỏ là phù hợp với trình độ phát triển của nhân dân ta đã và mang lại những kết quả to lớn. Tuy vậy, cùng với sự phát triển của kinh tế, khoa học và công nghệ trong những năm gần đây, việc “quai đê lấn biển” khai thác bãi bồi như trước đây cho thấy việc sản xuất chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Mặt khác, chúng ta xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền nông - lâm - ngư nghiệp ở nước ta, mà cụ thể là ở Kim Sơn, đang có những chuyển đổi theo hướng đa dạng hóa sản xuất. Nếu những năm trước đây, hình thức nuôi thủy hải sản chủ yếu theo hai phương thức: quảng canh và quảng canh cải tiến, thì nay đã có thêm phương thức nuôi mới, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn đó là: nuôi bán thâm canh và thâm canh.

Khi hỏi những người dân Kim Sơn sống trong những làng mà hiện nay không giáp biển thì kí ức về biển của họ chỉ là tiếng sóng biển vỗ ngoài xa, là những con cá, con cày, con rạm để cứu đói trong những ngày giáp hạt, những năm tháng chiến tranh gian khổ, là niềm tự hào khi “quai đê lấn biển” để lấy đất cho sản xuất nông nghiệp. Với họ, biển chỉ có vậy, biển tuy ở gần mà lại rất xa. Đối với những người dân ở gần biển hiện nay, thì biển đối với họ là cả một nguồn lợi to lớn, biển là nơi nuôi trồng thủy sản, biển là nơi những con tàu ra khơi đánh bắt nguồn hải sản vô tận của tự nhiên. Trong tương lai không xa, khi nhắc đến cư dân Kim Sơn, chúng ta sẽ nhắc đến họ với tư cách là những cư dân biển thực thụ.

2.3. Tổ chức đời sống cộng đồng cũng là một trong những cách ứng xử với biển của người dân Kim Sơn: hạn chế những mặt không thuận lợi

Trong quá trình sinh tồn, con người buộc phải tìm hiểu về tự nhiên, vì tất cả những nhu cầu sống của con người ăn, mặc, ở, đi lại... đều lấy từ đó mà ra, không hiểu tự nhiên, không thể có được những thứ đó. Quá trình tiếp xúc ấy, con người nhận ra rằng, tự nhiên có hai mặt chủ yếu nhưng đối lập nhau. Đó là những thuận lợi (tích cực) và những khó khăn (tiêu cực). Ngoài ra, còn có một mặt nữa: sự kết hợp cả hai (vừa tích cực vừa tiêu cực). Hiểu được điều này, ngay từ những ngày đầu đến Kim Sơn, Nguyễn Công Trứ đã bố trí làng áp một cách khoa học, hợp lí để giảm thiểu tối đa những mặt không thuận lợi mà tự nhiên mang lại.

Dựa vào đặc điểm địa hình của huyện Kim Sơn là miền đất bồi ven biển, việc lập làng gắn bó hữu cơ với việc xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi..., nên ngay từ đầu, Nguyễn Công Trứ đã tiến hành quy hoạch làng áp trên cơ sở đặc điểm này. Ở Kim Sơn, các làng được bố trí theo hướng tây bắc - đông nam. Phía tây bắc giáp với huyện Yên Mô, Yên Khánh, còn phía đông nam giáp với sông Đáy và biển. Đình miếu của làng thường được bố trí ở những vùng đất cao. Khu tư điền được bố trí ở gần khu dân cư, nên việc cày cấy rất thuận tiện, các khu công điền, có xứ hậu đồng (phía bắc làng) và khu tiền đồng (phía nam làng) và có thể mở rộng diện tích canh tác về phía nam là nơi giáp với sông Đáy. Đồng ruộng của Kim Sơn đều được chia ra thành từng *đạt* (1 đạt = 60m) và *đôi*, mỗi *đôi* được giới hạn bằng những đường ngang, trông như một bàn cờ. Bằng hệ thống tưới tiêu tự chảy, người nông dân không phải mất thời gian đi tát nước, nên họ có thời gian để làm các nghề phụ, như đan lát, dệt chiếu...

Quy hoạch làng áp như vậy ở Kim Sơn đảm bảo cho người dân khẩn hoang có điều kiện sống thuận lợi hơn. Do làng nào cũng có vùng cao và vùng thấp nên có diện tích trồng cói và trồng lúa. Vì vậy, người dân có thể tự túc được lương thực; ngoài ra, họ còn có thể thu nhập thêm bằng việc phát sậy, bán cói, đặc biệt là các làng còn có thêm nghề đánh cá biển. Các làng đều bố trí ở cách biển từ 1.500m đến 2.000m nên làng nào cũng đều có nghĩa vụ tu sửa đê điều để hạn chế thiệt hại khi nước biển tràn vào. Việc bố trí các làng áp có hướng phát triển ra biển cũng tạo điều kiện cho các làng mở rộng diện tích canh tác, hạn chế được diện tích đất bỏ hoang.

Trong công trình *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc có viết: “Hình ảnh gậy ấn

tượng mạnh mẽ nhất đối với tất cả các du khách Phương Tây về một ngôi làng Việt Nam là các lũy tre làng dày đặc bao quanh làng. Làng được người ta hình tượng hóa là cả một thế giới huyền bí ở đằng sau lũy tre xanh. Lũy tre che chắn, bảo vệ cho dân làng mỗi khi có trộm cướp, giặc dã...” [3, tr.131]. Thế nhưng, làng ở Kim Sơn lại có đặc điểm riêng biệt, xung quanh mỗi làng không phải là lũy tre xanh, mà là hệ thống kênh mương bao quanh; hệ thống kênh mương chính là ranh giới giữa các làng và muốn đi từ làng nọ sang làng kia phải đi bằng thuyền hoặc đi qua những chiếc cầu. Làng xóm được tổ chức theo kiểu bàn cờ, đường ngang ngõ dọc thẳng tắp, các nhà song song nhau, từng dãy bám lấy trục đường, hay các con kênh, mặt hướng về phía nam. Ở Kim Sơn, hầu như làng nào cũng có cổng làng, cổng làng được đầu tư xây dựng bằng gạch, ngói, xi măng, sắt thép kiên cố. Nhiều làng còn xây dựng cổng làng với những trụ biểu, câu đối, trang trí cầu kì... Ở Kim Sơn, người ta còn đặt tên làng thể hiện ước mơ, khát vọng của người dân như: Chính Tâm, Dục Đức, Thành Đức, Lưu Quang, Lưu Phương, Đức Hậu... Ngay ở tên làng đã cho thấy người dân ở đây vốn từ những nơi khác đến; cuộc sống của họ ban đầu tuy khó khăn về vật chất, nhưng trong tinh thần, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp.

Nhà trong làng không phải nhà ba gian, năm gian, hai chái như ở đồng bằng, mà kiểu nhà ở đây làm thấp (mùa hè mát, mùa đông ấm), đứng vững, nhiều cột, tường đất dày hay xây gạch tạo thế chống gió bão, nhà được lợp bằng bồi dày (cối xấu không dùng làm chiếu, đan lát được). Gia đình nào cũng có hàng rào, bờ giậu hay tường xây và cổng riêng. Cha con, anh em ruột thịt thường ở quây quần trong một xóm. Hầu như nhà nào cũng có vườn trồng cây, có ao cá, có chuồng nuôi gia súc, gia cầm. Mỗi làng thường có vài chục gia đình và rất hiếm thấy một ngôi nhà ở một mình riêng ra ngoài cánh đồng.

Đứng đầu mỗi làng là các áp trưởng hay trại trưởng chịu trách nhiệm những công việc chung và điều hành theo hương ước của làng. Người Kim Sơn là dân từ nhiều nơi khác nhau đến khai hoang để sinh sống và sản xuất nên mối quan hệ huyết thống không được có kết như các vùng ở đồng bằng Bắc Bộ nhưng tinh dân chủ lại được thể hiện rộng rãi, đậm nét ở các làng.

Các đình, đền, miếu... thờ thành hoàng làng ở quê gốc của cư dân cùng các vị *chiêu, nguyên, thứ mộ* khi

mất. Điều này chứng tỏ người dân Kim Sơn rất trân trọng, biết ơn những người có công trong việc khai hoang lập làng; có làng thờ Đức Thánh Trần - vị tướng vùng sông nước; thờ Tứ vị hồng nương - các vị thần cai quản biển cả; cũng có nơi thờ Đức Khổng Tử với lòng mong muốn cho các thế hệ con em dân làng học hành ngày càng tấn tới. Để bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với Nguyễn Công Trứ, người dân Kim Sơn đã xây dựng đền thờ ông. Đền thờ Nguyễn Công Trứ là ngôi đền duy nhất mà những người không theo tôn giáo hay theo một tôn giáo như Phật giáo, Thiên chúa giáo... đều đến tế lễ. Vào ngày 13 đến 15 tháng 11 âm lịch hàng năm, người dân Kim Sơn tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công ơn của Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ.

Ngay từ những ngày đầu đến khẩn hoang, nhân dân Kim Sơn đã truyền tụng câu ca “Kim Sơn phụng Phật, Tiên Hải sự Thần”. Vì vậy, hầu hết các làng, ấp ở Kim Sơn đều có chùa, các chùa Đồng Đắc, Yên Bình, Lạc Thiện, Hòa Lạc, Công Nhuận đều là những ngôi chùa khang trang, đẹp đẽ nổi tiếng ở Kim Sơn. Kim Sơn là vùng đất có đồng bào Công giáo đến ở ngay từ những ngày đầu khai hoang, giáo xứ Phát Diệm sớm trở thành trung tâm của đạo Công giáo.

Tiếp nối văn hóa truyền thống của dân tộc, văn hóa của những người đi khẩn hoang đã duy trì và phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên và cũng là phù hợp với con người trong cùng một làng vốn có thành phần xuất thân khác nhau, ở những miền quê khác nhau đến quần tụ và sinh sống. Chính vì vậy, ở đây đời sống tinh thần có tính cố kết cao, thể hiện rõ qua hương ước, qua việc thờ cúng những người có công với dân, với nước. Sự tôn thờ Nguyễn Công Trứ và những vị nguyên, thứ mộ, thể hiện truyền thống “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”; việc thờ cúng này, một mặt, để tưởng nhớ đến công đức của các vị tiên nhân, mặt khác, để nhắc nhở con cháu biết trân trọng, yêu quý từng tấc đất mà cha ông phải khó nhọc mới có được, đồng thời cũng là để động viên tinh thần cộng đồng, làng xóm ra sức chiến đấu với tự nhiên trong những điều kiện khắc nghiệt để tồn tại và phát triển.

3. Kết luận

Khi đến vùng đất mới, bao giờ con người cũng chọn cách ứng xử sao cho phù hợp với tự nhiên, xã hội và ngay cả chính bản thân. Nghiên cứu về cách ứng xử của cư dân Kim Sơn, trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào vấn đề phương cách ứng xử

của cư dân với tự nhiên, mà cụ thể ở đây là biển. “Quai đê lấn biển” chính là phương cách mà Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ và cư dân Kim Sơn - Ninh Bình khai thác tự nhiên, đúng hơn là vừa khai thác vừa chế ngự đối với biển. Từ mỗi lợi vô cùng của tự nhiên, từ một vùng đất bồi mênh mông, rộng lớn nơi cửa sông, ven biển, cư dân đã đắp đê để ngăn mặn, đào sông, xây dựng hệ thống thủy nông để thau chua, rửa mặn cho đất, chống lũ lụt trong mùa mưa, dẫn thủy nhập điền, thành một vùng đất phì nhiêu, màu mỡ. Cuộc chinh phục tự nhiên này đã đạt được mục tiêu là hình thành nơi lập nghiệp của nông dân, biến một vùng hoang hóa thành một vùng kinh tế - xã hội để người dân tổ chức được cuộc sống. Ở góc độ khai thác tự nhiên là chính, người dân Kim Sơn đã ứng xử với tự nhiên bằng cách hình thành nghề - làng nghề. Ở những vùng mà cư dân trước khi đến Kim Sơn để sinh sống, đất đai đã được khai thác để trồng cây từ lâu; người dân lại có kinh nghiệm trong việc thâm canh lúa nước, nên khi đến vùng đất mới, cư dân vẫn lấy nông nghiệp làm nguồn sống chính. Để cải tạo những vùng đất mặn, đất phèn, biến những nơi đất không có khả năng canh tác thành đất canh tác lúa nước cho năng suất cao, người dân đã dựa vào những kinh nghiệm mà họ tích lũy được, cùng với việc bỏ công sức lao động rất vất vả, khổ cực. “Lúa lấn cói. Cói lấn lau, sậy. Lau, sậy lấn sù, vẹt. Sù, vẹt lấn biển Đông” chính là cách mà cư dân đã khai thác nguồn tài nguyên đất cho sản xuất. Nghề trồng cói và trồng lúa là nghề chính của cư dân, còn nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản cũng đang được hình thành và phát triển. Do cói là cây trồng đặc trưng lại có khoảng thời gian nông nhàn, người dân đã dựa vào loại cây trồng này để phát triển nghề thủ công dệt cói. Dựa vào các sản vật của vùng, cư dân đã chế biến thành những món ăn mang hương vị đặc trưng. Tổ chức đời sống cộng đồng cũng là một cách mà người dân Kim Sơn hạn chế những mặt không thuận lợi của tự nhiên. Dân gian từng nói: “Thuận theo tự nhiên thì sống, chống lại tự nhiên thì chết”. Dựa vào quy luật của tự nhiên để giảm thiểu tối đa những thiên tai do địa hình, khí hậu đem lại, bởi vậy, khi đến vùng đất mới để sinh sống và làm ăn, cư dân đã tổ chức đời sống cộng đồng theo quy luật của tự nhiên để ứng xử với tự nhiên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Kim chủ biên (2011), Người Việt với biển, Nxb Thế giới, Hà Nội
- [2] Vũ Cảnh Linh chủ biên (2011), Văn hóa và con người vùng biển đảo Việt Nam, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quang Ngọc (2012), Một số vấn đề làng xã Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Trần Ngọc Thêm (2001), Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Ngô Đức Thịnh (2004), Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

MARINE BEHAVIOUR OF RESIDENTS AT KIM SON DISTRICT, NINH BINH PROVINCE

Abstract: Kim Son, a coastal district located in the southernmost province of Ninh Binh, was established 184 years ago and closely associated with the name of Nguyen Cong Tru - the Official in Charge of Farms. Facing the sea, for the sake of survival, the people who are brimming with the Tonkin Delta character have chosen to behave in accordance with nature so as to exploit the advantages and to restrict disadvantages. This paper is aimed at analyzing and penetrating the marine behaviour of the residents at Kim Son district, Ninh Binh province on the following aspects: (1) the issue of "dyke-building and sea enroachment" for the sake of agricultural development; (2) the issue of gradually raising the awareness of the sea to exploit its values. Both of these aspects have been demonstrated through the cause of "dyke-building and sea enroachment" and the formation of trades and trade villages as well as the organization of the social life.

Key words: Kim Son; Nguyen Cong Tru; sea; behave; dyke-building and sea enroachment; exploit marine values.